

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Để chuẩn bị nội dung kỳ họp thứ 3 (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các văn bản pháp luật có liên quan; Quyết định số 210/QĐ-MTTQ-BTT ngày 19/8/2025 của Ban Thường trực MTTQVN tỉnh Quảng Trị về phê duyệt đề án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan Ủy ban MTTQVN tỉnh Quảng Trị (trong đó có Quỹ Hỗ trợ nông dân).

Nhằm phù hợp với đặc điểm tình hình mới và đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Công văn số 320-CV/TW ngày 13/5/1996 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VIII) về việc tạo điều kiện cho Hội Nông dân các cấp xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ✓

- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Văn bản số 1316-CV/HNNDTW ngày 11/3/2025 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025;

- Hướng dẫn số 205-HD/HNNDTW ngày 04/6/2025 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy và hoạt động Hội Nông dân ở những địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã;

- Văn bản số 7158/BTC-ĐCTC ngày 26/5/2025 của Bộ Tài chính về việc sắp xếp lại các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng tại địa phương;

- Quyết định số 1764-QĐ/HNNDTW ngày 27/6/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc thành lập Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị;

- Đề án số 02-ĐA/HNNDT ngày 19/6/2025 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về sắp xếp tổ chức, bộ máy, cán bộ Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình và Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các văn bản pháp luật có liên quan. ✓

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền ban hành văn bản; bảo đảm về hình thức văn bản, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

- Cụ thể hóa quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh và khả năng thực tế hiện có của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các văn bản pháp luật có liên quan, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã xây dựng dự thảo Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị. Dự thảo đã gửi lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Tư pháp và đã được Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã tham mưu dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

Đến nay, hồ sơ Nghị quyết đã hoàn thiện đầy đủ theo quy định để trình HĐND tỉnh xem xét ban hành.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này ban hành thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban Điều hành và bộ máy giúp việc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

2.2. Đối tượng vay vốn của Quỹ là hội viên hội nông dân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị gồm có 03 điều:

Điều 1. Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực của Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

Bố cục và nội dung chính của Đề án như sau:

2.1. Bố cục Đề án (gồm 03 phần):

- Phần 1: Sự cần thiết kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

- Phần 2: Nội dung Đề án (*Tên gọi, vị trí pháp lý; Nguyên tắc, mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Quỹ; phương án hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (cũ) thành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị; phương án về vốn hoạt động quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh 05 năm tiếp theo; phương án sử dụng lao động của Quỹ Hỗ trợ nông dân sau hợp nhất; một số nội dung cơ bản của điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự của Quỹ; Kế hoạch hoạt động của Quỹ sau khi kiện toàn*).

- Phần 3: Tổ chức thực hiện.

2.2. Nội dung của Đề án

Dự thảo Đề án bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP (*tình hình và kết quả hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước, hiệu quả kinh tế - xã hội của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ khi thành lập đến nay; mục tiêu, sự cần thiết và tính khả thi của việc tiếp tục triển khai hoạt động của Quỹ; phương án về nguồn vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong giai đoạn 2025 - 2030; cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; phương án hoạt động, quản lý tài chính của Quỹ*). Một số nội dung cơ bản của Đề án như sau:

2.2.1. Tên gọi, địa vị pháp lý

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị

- Tên viết tắt: Quỹ HTND tỉnh Quảng Trị

- Tên giao dịch quốc tế: Quang Tri Provincial Farmers Support Fund

- Địa chỉ trụ sở: Đặt tại cơ quan Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị

(*Địa chỉ: Số 43 đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Đồng Hới*).

- Địa vị pháp lý: Quỹ Hỗ trợ nông dân là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại các ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2.2.2. Nguyên tắc, mục tiêu, phạm vi hoạt động

- Nguyên tắc hoạt động:

+ Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

+ Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân. ✓

+ Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

- Mục tiêu hoạt động:

+ Hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.

+ Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

- Phạm vi hoạt động: các xã, phường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2.2.3. Chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh (Thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP).

2.2.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh bao gồm:

- Hội đồng quản lý (gồm 05 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm);

- Ban Kiểm soát (gồm 03 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm);

- Ban Điều hành gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (do cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm);

- Bộ máy giúp việc: do cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm. Ngoài ra, Quỹ ký hợp đồng lao động để thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn theo quy định. Lương và phụ cấp lương cho người lao động, người quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2.2.5. Phương án về nguồn vốn hoạt động giai đoạn 2026 - 2030

- Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp; quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính; vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản; chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý; vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

- Tổng nguồn vốn đến năm 2030: 211.253 triệu đồng.

+ Vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh: Tổng khái toán là: 193.110 triệu đồng (*Một trăm chín mươi ba tỷ, một trăm mười triệu đồng*), trong đó:

Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị tại thời điểm kiến toàn bộ máy tổ chức và hoạt động hiện có: 80.153 triệu đồng, gồm: (*Nguồn vốn ngân sách cấp: 68.110 triệu đồng; bổ sung từ kết quả hoạt động: 5.113 triệu đồng; nguồn vốn tự vận động: 6.930 triệu đồng*).

Nguồn vốn cấp mới giai đoạn 2026 - 2030 từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động: 131.100 triệu đồng (*Nguồn vốn ngân sách cấp mới: 125.000 triệu đồng; Nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động (05 năm): 6.100 triệu đồng*). Từ 2026 - 2030 đề nghị mỗi năm ngân sách tỉnh cấp 25 tỷ đồng từ nguồn chi đầu tư phát triển. ✓

2.2.6. Phương án hoạt động, quản lý tài chính

a) Hoạt động, quản lý sử dụng vốn

- Đối tượng vay vốn của Quỹ là hội viên hội nông dân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều kiện, thời hạn và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay thực hiện theo quy định tại Mục 1 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kế hoạch cho vay giai đoạn 2026 - 2030 (Có phụ lục 01 kèm theo).

b) Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác: Thực hiện theo quy định Điều 24, 25 Mục 2 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Phương án về tài chính (Có phụ lục 02 kèm theo).

* Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 3 xem xét, thông qua.

(Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm: Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình; Công văn số 1224/STC-TCHCSN ngày 07/8/2025 của Sở Tài chính, Công văn số 701/STP-QLVB ngày 12/8/2025 của Sở Tư pháp, Công văn số 1213/SNV-TCBC&TCPCP ngày 21/8/2025 của Sở Nội vụ; Tờ trình số 13-TTr/HNDT ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Hội Nông dân tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1. Kế hoạch vốn giai đoạn 2026 - 2030
 Tổng nguồn vốn giai đoạn 2026 - 2030, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị
 được ngân sách tỉnh cấp 125 tỷ đồng

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm					Tổng số
		2026	2027	2028	2029	2030	
A	Kế hoạch xây dựng nguồn vốn						
-	Ngân sách cấp trong năm	25,00	25,00	25,00	25,00	25,00	125
B	Kế hoạch sử dụng vốn						
1	Số dự án tăng thêm	25	25	25	25	25	125
2	Số hộ vay tăng thêm	250	250	250	250	250	1.250

Phụ lục 2. Phương án tài chính giai đoạn 2026-2030

Đơn vị tính : tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch				
		2026	2027	2028	2029	2030
I	Nguồn vốn	106,045	132,245	158,245	184,245	210,545
1	Vốn tồn cuối năm trước	80,045	106,045	132,045	158,045	184,045
2	Vốn điều lệ ngân sách cấp trong năm	25	25	25	25	25
3	Nguồn vận động ủng hộ	-	-	-	-	-
4	Vốn khác trong năm (Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ, vốn khác)	1	1,2	1,2	1,2	1,5
II	Vốn ủy thác	30	30	30	30	30
III	Thu nhập	9,408	11,609	13,793	15,977	18,186
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn (theo mức hiện tại: 8,4%/năm)	8,908	11,109	13,293	15,477	17,686
2	Thu từ hoạt động nhận ủy thác (phần tính hưởng: 1,5%/năm)	0,450	0,450	0,450	0,450	0,450
3	Thu khác (lãi ngân hàng...)	0,050	0,050	0,050	0,050	0,050
IV	Chi phí	7,559	9,469	11,495	13,489	15,457
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ	4,148	5,049	5,944	6,838	7,743
1.1	Chi trả phí cho cấp xã (theo mức đang thực hiện: 2,94%)	3,118	3,888	4,652	5,417	6,190
1.2	Chi trích lập dự phòng rủi ro, xử lý nợ và hoạt động nghiệp vụ khác	1,030	1,161	1,291	1,421	1,553
+	Dự phòng chung	0,530	0,661	0,791	0,921	1,053
+	Dự phòng cụ thể	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500
2	Chi hoạt động bộ máy	3,361	4,369	5,501	6,601	7,664
2.1	Chi cho cán bộ Quỹ	1,376	1,789	2,147	2,576	2,833
2.2	Chi hoạt động quản lý (công tác phí; VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, tập huấn, đào tạo; kiểm tra, kiểm toán, chi hoạt động khác...)	1,985	2,581	3,355	4,026	4,831
3	Các khoản chi phí khác	0,050	0,050	0,050	0,050	0,050
V	Kết quả tài chính (Thu - Chi)	1,849	2,140	2,298	2,487	2,729
VI	Phân phối kết quả tài chính	1,849	2,140	2,298	2,487	2,729
1	Quỹ đầu tư phát triển (20% + số còn lại)	1,214	1,476	1,468	1,488	1,706
2	Quỹ Dự phòng tài chính (10%)	0,185	0,214	0,230	0,249	0,273
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không quá 3 tháng lương, phụ cấp)	0,300	0,300	0,400	0,500	0,500
4	Quỹ thưởng người quản lý (Không quá 1,5 tháng lương, phụ cấp)	0,150	0,150	0,200	0,250	0,250

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày..... của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (Có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày..... tháng năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội Nông dân Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
KIỆN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND, ngày/..../2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình thành lập năm 1996 trên cơ sở Thông báo số 06-TB/TV ngày 20/5/1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công văn số 319/CV-UB ngày 03/6/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc thành lập và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Để đảm bảo Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hoạt động đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, ngày 25/10/2024 Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành Nghị quyết số 206/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình; ngày 12/11/2024 UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 3147-QĐ/UBND phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Quyết định số 253-QĐ/HND ngày 20/12/1999 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị chưa được kiện toàn tổ chức và hoạt động theo quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1. Đánh giá kết quả hoạt động

1.1. Về phát triển nguồn vốn

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình (cũ)

Tổng nguồn vốn quản lý: 79.056,6 triệu đồng.

Cụ thể:

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương ủy thác: 16.550 triệu đồng;

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 62.506,6 triệu đồng.

Trong đó: + Ngân sách cấp: 58.595 triệu đồng;

+ Ứng hộ: 1.264,47 triệu đồng;

+ Bổ sung từ kết quả hoạt động: 2.647,13 triệu đồng.

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (cũ)

Tổng nguồn vốn quản lý: 28.183,136 triệu đồng.

Cụ thể:

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương ủy thác: 10.546,857 triệu đồng.
- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 17.636,279 triệu đồng.

Trong đó: + Ngân sách cấp: 9.505 triệu đồng;
 + Ủng hộ: 5.665,800 triệu đồng;
 + Bổ sung từ kết quả hoạt động: 2.465,479 triệu đồng.

Số liệu chi tiết nguồn vốn Quỹ HTND tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị

DVT: triệu đồng

Năm	Quỹ Hỗ trợ nông dân	Nguồn vốn			Tổng cộng
		Ngân sách cấp	Bổ sung từ hoạt động	Nguồn ủng hộ	
Trước 2020	Quảng Bình	12.340	328,3	280,45	12.948,750
	Quảng Trị	6.135	1.314,3	3.466,8	10.916,100
2020	Quảng Bình	5.000	110	1,25	5.111,250
	Quảng Trị	360	248,6	337,1	945,700
2021	Quảng Bình	6.000	170	0	6.170,000
	Quảng Trị	410	232,7	703,5	1.346,200
2022	Quảng Bình	7.000	240	0	7.240,000
	Quảng Trị	1.510	19	299	1.828,000
2023	Quảng Bình	7.000	220	0	7.220,000
	Quảng Trị	670	333	297	1.300,000
2024	Quảng Bình	7.000	1.350	0	8.350,000
	Quảng Trị	430	243,3	431,9	1.105,200
6 tháng 2025 ¹	Quảng Bình	14.255	99,709	982,77	15.337,479
	Quảng Trị	0	203,7	130,5	334,200
Tổng cộng		68.110	5.112,609	6.930,27	80.142,879

1.2. Về sử dụng vốn

Mục đích vay vốn của hội viên nông dân là để phát triển các mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp như: chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản... Thời hạn cho vay tùy theo mục đích sử dụng vốn vay, chu kỳ sản xuất và khả năng tài chính của người vay. Đến ngày 30/6/2025:

- Tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình quản lý 79.056,6 triệu đồng, đang thực hiện 302 dự án, cho 1.372 hộ vay. Trong đó:

+ Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương ủy thác 16.550 triệu đồng, đang thực hiện 28 dự án cho 338 hộ vay.

+ Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh 62.506,6 triệu đồng, đang thực hiện 274 dự án cho 1.034 hộ vay.

- Tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị quản lý 28.183,136

¹ 6 tháng đầu năm Quỹ Hỗ trợ nông dân 2 tỉnh tăng nguồn do sáp nhập nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện vào Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

triệu đồng, đang thực hiện 404 dự án, cho 809 hộ vay. Trong đó:

+ Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương ủy thác 10.546,857 triệu đồng, đang thực hiện 35 dự án, cho 305 hộ vay.

+ Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh 17.636,279 triệu đồng, đang thực hiện 369 dự án, cho 504 hộ vay.

Bảng chi tiết sử dụng vốn qua các năm của Quỹ HTND tỉnh

Đơn vị tính: dự án, hộ, triệu đồng

Năm		Số liệu đầu kỳ			Phát sinh trong kỳ						Số liệu cuối kỳ		
		Số dự án	Số hộ vay	Số tiền	Thu nợ			Cho vay			Số dự án	Số hộ vay	Số tiền
					Số dự án	Số hộ vay	Số tiền	Số dự án	Số hộ vay	Số tiền			
2020	Quảng Bình	66	270	12.920	22	81	3.175	38	169	8.300	82	358	18.045
	Quảng Trị	306	399	10544	30	48	1.333	46	96	1.821	322	447	11.032
2021	Quảng Bình	82	358	18.045	21	96	5.210	41	222	11.210	102	485	24.045
	Quảng Trị	322	447	11.032	87	106	1.991,4	79	108	3.499,4	314	449	11.540
2022	Quảng Bình	102	485	24.045	34	123	6.625	43	273	13.850	111	635	31.270
	Quảng Trị	314	449	11.540	41	74	2.442	46	94	4.096,7	319	469	13.194,7
2023	Quảng Bình	111	635	31.270	44	207	9.900	56	325	17.100	123	753	38.470
	Quảng Trị	319	469	13.194,7	51	63	1.513	55	80	2.804	323	486	15.015,7
2024	Quảng Bình	123	753	38.470	35	218	11.260	32	258	18.480	120	793	45.690
	Quảng Trị	323	486	15.015,7	48	87	3.456	61	118	5.591,8	342	480	17.151,5
30/6/2025 ²	Quảng Bình	312	1.106	59.259	119	409	18.117	81	337	21.364,6	274	1034	62.506,6
	Quảng Trị	342	480	17.151,5	71	177	4.892,4	98	201	5.809,3	369	504	16.611,2

Hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân hai tỉnh thực hiện thống nhất theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; quy chế cho vay, quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân; quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam nhằm khai thác, phát huy lợi thế của tổ chức Hội trong việc lựa chọn địa bàn, mô hình xây dựng, thẩm định, giải ngân, kiểm tra, giám sát dự án. Từ khi thành lập đến ngày 30/6/2025, nguồn vốn Quỹ được sử dụng cho vay triệt để, không có tồn đọng vốn.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

Quỹ Hỗ trợ nông dân 2 tỉnh là một trong các quỹ tài chính nhà nước hoạt động hiệu quả; hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với lãi suất của các ngân hàng thương mại; hạn mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng vay; thời gian cho vay phù hợp; các điều kiện, tiêu chí cho vay phù hợp, thủ tục vay vốn đơn giản, bảo đảm cho các đối tượng tiếp cận nguồn vốn vay nhanh. Tuy nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ đã khẳng định là kênh tín dụng thiết thực, điểm tựa hỗ trợ vốn của nhà nông; nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, không có nợ xấu, không có dự án phải khoan nợ. Hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thể hiện qua các mặt sau:

- *Hiệu quả kinh tế*: Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề); đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình,

² Số liệu tăng bất thường do sáp nhập Quỹ HTND cấp huyện vào Quỹ HTND tỉnh

khá, có quyết tâm khát vọng làm giàu, nòng cốt phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ giữa các hộ vay, thông qua đó đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các Tổ Hội nông dân nghề nghiệp, Chi Hội nông dân nghề nghiệp, là nền móng vững chắc của Tổ hợp tác, Hợp tác xã nông nghiệp, những mắt xích quan trọng của liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi tư duy từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao. Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển lên hợp tác xã hoạt động hiệu quả; một số dự án ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất thành công, nhiều sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh.

- *Hiệu quả chính trị:* Quỹ Hỗ trợ nông dân là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng; Quỹ là một trong những công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức Hội; tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác Hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ đã góp phần vào thành công và lan toả phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân Việt Nam xuất sắc... khẳng định tổ chức Hội thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

- *Hiệu quả xã hội:* Từ việc cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ, hạn chế tình trạng ly hương, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gắn bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh, hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, giảm tệ nạn xã hội góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

- *Hiệu quả môi trường:* Thông qua các dự án vay vốn Quỹ, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội giao hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm phải đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Hội có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

- *Hiệu quả hoạt động tài chính:* Quỹ hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hằng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn, trích lập Quỹ dự phòng rủi ro bảo đảm đúng quy định, kết chuyển kinh phí bổ sung nguồn vốn. Quỹ chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; chế độ báo cáo và giám sát tài chính.

II. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN; NHU CẦU HỖ TRỢ NÔNG DÂN TẠI TỈNH; TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

1. Mục tiêu

Tập trung đầu mối quản lý nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, phân bổ và kiểm soát nguồn vốn. Đảm bảo an toàn tài chính, tăng cường năng lực điều hành, thẩm định và tổ chức thực hiện hoạt động cho vay đúng quy định. Phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về kiến toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đảm bảo sự kế thừa, ổn định, duy trì hoạt động hỗ trợ nông dân liên tục và hiệu quả trong giai đoạn chuyển tiếp. Tạo tiền đề phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, bền vững, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

2. Sự cần thiết và tính khả thi

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 06 khóa XII và Nghị quyết số 18-NQ/TW, việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức bộ máy cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội (trong đó có Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp), trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới.

Quỹ Hỗ trợ nông dân là Quỹ tài chính quan trọng của Hội Nông dân, góp phần hỗ trợ hội viên phát triển sản xuất, xây dựng các mô hình kinh tế hiệu quả, thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị, từ đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Việc hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị thành một tổ chức thống nhất sẽ tăng nguồn lực, tăng quy mô vốn, thống nhất cơ chế vận hành, nâng cao tính chuyên nghiệp và khả năng điều tiết vốn cho các mô hình sản xuất lớn hơn, hiệu quả hơn.

Mặt khác, Điều 39 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ đã quy định về việc sắp xếp, sáp nhập Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp, từ đó tạo hành lang pháp lý rõ ràng để triển khai việc sáp nhập Quỹ theo hướng tập trung, tinh gọn, hiệu quả. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt thể chế mà còn là giải pháp chiến lược để nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn, chuẩn hóa mô hình hoạt động Quỹ, góp phần quan trọng vào quá trình nâng cao năng lực của tổ chức Hội Nông dân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, việc xây dựng và triển khai Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (cũ) là hết sức cần thiết, phù hợp với chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức Hội, đồng thời nâng cao năm lực hỗ trợ nông dân trong phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới.

3. Nhu cầu hỗ trợ vốn của nông dân trong tỉnh

Toàn tỉnh Quảng Trị hiện có trên 240.000 hội viên nông dân sinh hoạt ở 1.934 Chi hội, 77 cơ sở Hội; trên 110.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; 452 Tổ hội nghề nghiệp, 100 Chi hội nghề nghiệp; 104 hợp tác xã, 244 tổ hợp tác. Hiện nay nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân mới chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khoảng 5% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, 10% thành viên các mô hình kinh tế tập thể do Hội Nông dân trực tiếp hướng dẫn thành lập. Thực tế các trang trại, mô hình kinh tế tập thể rất khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng vì không bảo đảm các tiêu chí được vay vốn, do đó Quỹ Hỗ trợ nông dân thực sự là kênh dẫn vốn tín dụng quan trọng để Hội Nông dân các cấp hiện thực hoá chủ trương chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng, Nhà nước đối với nông dân.

4. Đánh giá tác động của việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

4.1. Về mặt kinh tế

Tạo điều kiện cho hội viên nông dân được vay vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi. Với nguồn tài chính dễ tiếp cận các hộ nông dân sẽ phát huy hiệu quả nguồn vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tham gia các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Giải quyết được vấn đề việc làm của nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động dôi dư khu vực nông thôn tham gia sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Hỗ trợ các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả trong kinh tế nông nghiệp.

4.2. Về chính trị - xã hội

Duy trì và phát triển một kênh hỗ trợ tín dụng ưu đãi hết sức quan trọng về nguồn vốn đối với hội viên, nông dân góp phần hiện thực hoá chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong phát triển đất nước, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Tăng cường tình đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo sự ổn định xã hội ở nông thôn; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành

thị; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức Hội Nông dân, thực hiện tốt giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân, mở rộng mô hình Hội Nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, góp phần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng thiết thực, hiệu quả; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội; khẳng định vai trò trung tâm, nòng cốt của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, với những lợi ích đem lại cho người nông dân và tổ chức Hội Nông dân cũng như những tác động chính trị- xã hội, có thể khẳng định việc kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là giải pháp cơ bản, quan trọng góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông dân văn minh.

III. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi và địa điểm trụ sở

- a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.
- b) Tên quốc tế: Quang Tri Provincial Farmers Support Fund.
- c) Tên viết tắt: Quỹ HTND tỉnh Quảng Trị.
- d) Địa chỉ trụ sở: Đặt tại Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị, số 43 đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân (*Nghị định số 37/2023/NĐ-CP*);

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân là Giám đốc Quỹ.

IV. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

c) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động

a) Hỗ trợ hội viên Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân;

b) Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

3. Phạm vi hoạt động

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động trên phạm vi tỉnh Quảng Trị.

V. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN

1. Chức năng, nhiệm vụ

a) Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành dự án vay vốn của Hội Nông dân cấp xã;

c) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước;

d) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

e) Cho vay vốn đối với hội viên hội nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh;

g) Nhận ủy thác cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

h) Ủy nhiệm cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp xã thực hiện một số công việc trong quy trình cho vay;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn

2.1. Trách nhiệm

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

2.2. *Quyền hạn*

a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

b) Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

e) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

VI. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN 2 TỈNH CŨ

1. Nguồn vốn chủ sở hữu sau sáp nhập

Tổng vốn sau sáp nhập: 107.239,736 triệu đồng.

Cụ thể:

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương ủy thác: 27.096,857 triệu đồng.
- Nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 80.142,879 triệu đồng.

Trong đó: + Ngân sách địa phương cấp: 68.110 triệu đồng;

+ Ủng hộ: 6.930,27 triệu đồng;

+ Bổ sung từ hoạt động: 5.112,609 triệu đồng.

2. Cơ chế quản lý tài chính

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 92/2024/TT-BTC, ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

3. Phương án sáp nhập tài sản, công cụ, dụng cụ, hồ sơ dự án

3.1. Tài sản, công cụ

- Tài sản, công cụ bao gồm: máy vi tính, thiết bị nghe nhìn, bàn ghế, tủ, kết sắt, thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán, máy in...

- Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, công cụ ở từng Quỹ trước khi sáp nhập để:

+ Lập danh mục tài sản, công cụ hiện có, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.

+ Đánh giá tình trạng sử dụng thực tế, đề xuất phương án tiếp tục sử dụng, thanh lý hoặc điều chuyển.

* Sau hợp nhất:

- Tài sản tập trung về sử dụng tại trụ sở của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- Các công cụ, thiết bị cần thiết sẽ được phân bổ hợp lý theo biên chế làm việc, tránh lãng phí hoặc chông chéo.

3.2. Hồ sơ vay vốn

- Rà soát, thống kê toàn bộ các hợp đồng vay vốn còn hiệu lực của các dự án vay vốn do 2 Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện.

- Thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ vay vốn (bao gồm: hợp đồng vay vốn, phụ lục, biên bản giải ngân, biên lai thu lãi, các tài liệu liên quan...) về Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (mới) để tiếp tục quản lý và theo dõi.

- Tiến hành lập phụ lục điều chỉnh hợp đồng nhằm thay đổi chủ thể quản lý khoản vay từ 2 Quỹ Hỗ trợ nông dân sang Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

- Thông báo đến từng hộ vay vốn về việc thay đổi đơn vị quản lý, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên không thay đổi.

4. Quản lý công nợ và nghĩa vụ tài chính

- Thống kê chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả; hợp đồng kinh tế còn hiệu lực; các khoản phải nộp ngân sách (nếu có).

- Mọi nghĩa vụ tài chính, công nợ liên quan sẽ do Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị sau sáp nhập kế thừa và tiếp tục thực hiện.

* Sau sáp nhập:

- Tiếp tục sử dụng tài khoản của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình (cũ) tại Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng và đổi tên thành tài khoản Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

- Vốn chủ sở hữu, vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương ủy thác tiếp tục được hạch toán tách biệt theo nguồn, nhưng thống nhất quản lý điều phối bởi Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

5. Chuyển đổi con dấu, giấy phép và hồ sơ pháp lý

- Giải thể tư cách pháp nhân của hai Quỹ cũ theo đúng trình tự pháp luật.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (mới) được tiếp tục sử dụng con dấu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị (cũ). Sử dụng mã số thuế, tài khoản ngân hàng của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình và đổi tên thành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị.

- Gửi thông báo đến tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan về việc thay đổi pháp nhân, thông tin giao dịch tài chính, hồ sơ pháp lý.

VII. PHƯƠNG ÁN VỀ VỐN HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH 05 NĂM TIẾP THEO (Từ năm 2026 đến năm 2030)

1. Nguồn vốn hoạt động

1.1. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp

Tại thời điểm hiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động, nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được ngân sách 2 tỉnh cấp: 68,11 tỷ đồng.

Tổng vốn điều lệ đến năm 2030 dự kiến 193,11 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn hiện có: 68,11 tỷ đồng
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn chi đầu tư phát triển từ năm 2026 đến năm 2030 khoảng 125 tỷ đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

1.2. Vốn điều lệ hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển, và nguồn vốn hợp pháp khác

Đến ngày 30/6/2025: 5,113 tỷ đồng.

Dự kiến đến năm 2030: 11,213 tỷ đồng (bình quân tăng 1,22 tỷ đồng/năm).

1.3. Nguồn vốn vận động ủng hộ

Đến ngày 30/6/2025: 6.930,27 tỷ đồng.

1.4. Vốn nhận ủy thác từ Trung ương Hội

Đến ngày 30/6/2025: 27,097 tỷ đồng.

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 37/2023/NĐ-CP, vốn ủy thác thuộc vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương và được hạch toán, theo dõi riêng.

2. Phương án vốn giai đoạn 2026 - 2030

Tổng nguồn vốn giai đoạn 2026 - 2030, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị được ngân sách tỉnh cấp 125 tỷ đồng.

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm					Tổng số
		2026	2027	2028	2029	2030	
A	Kế hoạch xây dựng nguồn vốn						
-	Ngân sách cấp trong năm	25,00	25,00	25,00	25,00	25,00	125
B	Kế hoạch sử dụng vốn						
1	Số dự án tăng thêm	25	25	25	25	25	125
2	Số hộ vay tăng thêm	250	250	250	250	250	1.250

VIII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN SAU HỢP NHẤT

Giai đoạn 2025 - 2030, ngoài bộ phận giúp việc là các chuyên viên Hội Nông dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, căn cứ quy mô nguồn vốn, tính chất hoạt động và điều kiện cụ thể, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có thể hợp đồng thêm lao động. Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh xây dựng phương án tuyển dụng và sử dụng lao động trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt.

Các hợp đồng lao động sẽ đảm nhận các công việc chuyên môn, nghiệp vụ, tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Nguồn kinh phí

đảm bảo thực hiện từ phí thu được từ việc cho vay các dự án Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Người lao động được đảm bảo quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Lao động năm 2019 và các quy định pháp luật có liên quan.

IX. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định ban hành, gồm 8 chương, quy định những nội dung cơ bản sau:

- Chương I. Những quy định chung

Thể hiện tên gọi, địa điểm trụ sở chính, địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Quy định những nguyên tắc, mục tiêu và phạm vi hoạt động; chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Chương II. Quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân

Thực hiện theo các Điều 9, 10, 11, 12, 13 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

- Chương III. Quy định hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân

Thực hiện theo Chương IV của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, bao gồm những quy định cơ bản về: Đối tượng và điều kiện cho vay; Thời hạn cho vay; Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay; Bảo đảm tiền vay; Thẩm quyền quyết định cho vay; Giới hạn cho vay; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ; Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay; Hội đồng xử lý rủi ro; Nhận ủy thác và ủy thác.

- Chương IV. Quy định về chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Thực hiện theo quy định tại Chương V của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, bao gồm những quy định về: Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán; Lập kế hoạch tài chính hàng năm cho Quỹ Hỗ trợ nông dân; Nguyên tắc quản lý tài chính; Nguồn vốn hoạt động; Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn và tài sản; Bảo đảm an toàn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân; Lương, phụ cấp lương; Thu nhập và chi phí; Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính; Chế độ báo cáo tài chính; Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Chương V. Quy định về xử lý tranh chấp, giải thể Quỹ Hỗ trợ nông dân

Thực hiện theo quy định tại Chương VI của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, bao gồm những nội dung cơ bản về: Xử lý tranh chấp; Các trường hợp giải thể Quỹ Hỗ trợ nông dân; Hội đồng giải thể và quy trình giải thể Quỹ Hỗ trợ nông dân; Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ nông dân và Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể.

- Chương VI. Quy định về mối quan hệ và trách nhiệm của Hội Nông dân tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Chương VII. Quy định về chế độ thông tin và bảo mật.

- Chương VIII. Quy định về hiệu lực thi hành; Trách nhiệm thi hành Điều

lệ; Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

X. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

1. Cơ cấu tổ chức chung:

a) Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Trị gồm có:

- Hội đồng quản lý;

- Ban Kiểm soát;

- Ban Điều hành: gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ phận giúp việc.

b) Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại Điều 10, 11, 12 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (nếu có).

2. Hội đồng quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

a) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 05 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh;

- Một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

- Các thành viên còn lại của Hội đồng quản lý do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

c) Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

e) Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; kinh tế; tài chính; ngân hàng; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.

g) Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo một số nội dung sau:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản;

- Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý;

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được sử dụng con dấu của Hội Nông dân tỉnh.

h) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân, trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt;

- Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

- Giám sát, kiểm tra Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý;

- Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

- Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

- Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát

đề trình của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt;

- Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quy định pháp luật có liên quan.

i) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

3. Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

a) Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân là cán bộ Hội Nông dân tỉnh, do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhưng tối đa không quá 03 thành viên, trong đó 01 thành viên là Trưởng Ban kiểm soát.

c) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chế độ, chính sách; Điều lệ tổ chức và hoạt động; các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

- Lập kế hoạch hoạt động; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phân công.

g) Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát, trách nhiệm, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Trung ương Hội ban hành áp dụng cho toàn hệ thống Quỹ Hỗ trợ nông dân.

4. Ban Điều hành

a) Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

- Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ Hỗ trợ nông dân ít nhất 05 năm;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của

Quỹ Hỗ trợ nông dân; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; các quy định, hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương và các bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan; các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh;

- Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo thẩm quyền;

- Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Hội đồng quản lý theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các quy định của pháp luật;

- Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

- Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Phó Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

- Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ, số lượng của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

e) Kế toán trưởng Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

- Kế toán trưởng Quỹ hỗ trợ nông dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

g) Bộ phận giúp việc của Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Là cán bộ Hội Nông dân tỉnh được phân công trực tiếp, kiêm nhiệm thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

- Người lao động được Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

- Bộ phận giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

XI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG, QUẢN LÝ, TÀI CHÍNH CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TRONG VÒNG 05 NĂM TIẾP THEO

1. Phương án hoạt động

1.1. Đối tượng và điều kiện cho vay

1.1.1. Đối tượng vay vốn

a) Là hội viên Hội Nông dân Việt Nam thường trú ở tỉnh Quảng Trị, sinh hoạt tại các chi hội, tổ hội nông dân trên địa bàn tỉnh;

b) Có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

1.1.2. Điều kiện cho vay

a) Khách hàng vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

b) Khách hàng vay vốn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận cư trú tại địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn;

c) Có mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

d) Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm được Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay;

đ) Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại một phương án chung của nhóm từ Quỹ Hỗ trợ nông dân;

e) Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm.

1.2. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định cho vay, giới hạn cho vay

Thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; các quy định và hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Quỹ Hỗ trợ nông dân của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Hội đồng quản lý và Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

1.3. Hội đồng xử lý rủi ro

Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và 02 thành viên khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định.

Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro theo quy định tại Mục 2 Điều 22 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.4. Trích lập các quỹ

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện việc trích lập các quỹ dự phòng rủi ro, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi... theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

1.5. Nhận ủy thác

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

Việc nhận ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh với tổ chức, cá nhân ủy thác.

1.6. Ủy nhiệm

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh sẽ ủy nhiệm cho Hội Nông dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp xã nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác.

2. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định tại Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; các quy định của pháp luật liên quan.

b) Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

c) Báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kế hoạch tài chính giai đoạn 2026-2030

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch				
		2026	2027	2028	2029	2030
I	Nguồn vốn	106,045	132,245	158,245	184,245	210,545
1	Vốn tồn cuối năm trước	80,045	106,045	132,045	158,045	184,045
2	Vốn điều lệ ngân sách cấp trong năm	25	25	25	25	25
3	Nguồn vận động ủng hộ	-	-	-	-	-

TT	Nội dung	Kế hoạch				
		2026	2027	2028	2029	2030
4	Vốn khác trong năm (Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ, vốn khác)	1	1,2	1,2	1,2	1,5
II	Vốn ủy thác	30	30	30	30	30
III	Thu nhập	9,408	11,609	13,793	15,977	18,186
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn (theo mức hiện tại: 8,4%/năm)	8,908	11,109	13,293	15,477	17,686
2	Thu từ hoạt động nhận ủy thác (phần tính hưởng: 1,5%/năm)	0,450	0,450	0,450	0,450	0,450
3	Thu khác (lãi ngân hàng...)	0,050	0,050	0,050	0,050	0,050
IV	Chi phí	7,559	9,469	11,495	13,489	15,457
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ	4,148	5,049	5,944	6,838	7,743
1.1	<i>Chi trả phí cho cấp xã (theo mức đang thực hiện: 2,94%)</i>	3,118	3,888	4,652	5,417	6,190
1.2	<i>Chi trích lập dự phòng rủi ro, xử lý nợ và hoạt động nghiệp vụ khác</i>	1,030	1,161	1,291	1,421	1,553
+	<i>Dự phòng chung</i>	0,530	0,661	0,791	0,921	1,053
+	<i>Dự phòng cụ thể</i>	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500
2	Chi hoạt động bộ máy	3,361	4,369	5,501	6,601	7,664
2.1	<i>Chi cho cán bộ Quỹ</i>	1,376	1,789	2,147	2,576	2,833
2.2	<i>Chi hoạt động quản lý (công tác phí; VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, tập huấn, đào tạo; kiểm tra, kiểm toán, chi hoạt động khác...)</i>	1,985	2,581	3,355	4,026	4,831
3	Các khoản chi phí khác	0,050	0,050	0,050	0,050	0,050
V	Kết quả tài chính (Thu - Chi)	1,849	2,140	2,298	2,487	2,729
VI	Phân phối kết quả tài chính	1,849	2,140	2,298	2,487	2,729
1	Quỹ đầu tư phát triển (20% + số còn lại)	1,214	1,476	1,468	1,488	1,706
2	Quỹ Dự phòng tài chính (10%)	0,185	0,214	0,230	0,249	0,273
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không quá 3 tháng lương, phụ cấp)	0,300	0,300	0,400	0,500	0,500
4	Quỹ thưởng người quản lý (Không quá 1,5 tháng lương, phụ cấp)	0,150	0,150	0,200	0,250	0,250

4. Chế độ báo cáo

Quỹ Hỗ trợ nông dân lập và gửi các báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương. Chi tiết các loại báo cáo và thời hạn báo cáo thực hiện tại Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ./.